

Số: 1534/KH-UBND

Bố Trạch, ngày 04 tháng 9 năm 2019

**KẾ HOẠCH
XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS NĂM 2019**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện Bố Trạch về giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo năm 2019;

Căn cứ Công văn số 1124/SNV-CCVC ngày 26/8/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển giáo viên năm 2019 của huyện Bố Trạch.

2. Căn cứ thực tiễn

Căn cứ nhu cầu giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS của các trường trên địa bàn huyện Bố Trạch.

- Giáo viên Mầm non giao 782, đã tuyển dụng 717, chưa tuyển dụng 64;
- Giáo viên Tiểu học giao 946, đã tuyển dụng 883, chưa tuyển dụng 63;
- Giáo viên THCS giao 672, đã tuyển dụng 612, chưa tuyển dụng 60.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu xét tuyển: 124 chỉ tiêu, trong đó:

- Giáo viên Mầm non: 39 chỉ tiêu
- Giáo viên Tiểu học: 45 chỉ tiêu
- Giáo viên THCS: 40 chỉ tiêu

(Cụ thể có biểu Phụ lục số 01A, 01B, 01C đính kèm)

2. Vị trí việc làm, tiêu chuẩn cần xét tuyển

Có 03 vị trí (giáo viên Mầm non, giáo viên Tiểu học và giáo viên THCS). Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển *(có biểu Phụ lục số 02 đính kèm)*.

Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký dự tuyển chung vào vị trí giáo viên Mầm non, giáo viên Tiểu học, giáo viên THCS *(theo mã số đăng ký dự tuyển)*. Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có Quyết định bố trí công tác về các trường mầm non, tiểu học, THCS trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường *(theo Phụ lục số 03A, 03B, 03C đính kèm)*, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện đăng ký dự tuyển

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm *(theo Phụ lục số 02)*;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Mỗi người đăng ký dự tuyển nộp 01 bộ hồ sơ (có bì đựng hồ sơ) bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu) được đăng trên trang tt điện tử của huyện;
- 02 ảnh cỡ 4x6 cm;
- 02 phong bì có dán tem ghi địa chỉ báo tin;

Lưu ý: Người dự tuyển chỉ được nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển ở một vị trí xét tuyển (có quy định mã số dự tuyển). Những người đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí xét tuyển trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trong kỳ tuyển dụng này.

3.3. Lệ phí xét tuyển

500.000 đồng/thí sinh (theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính).

3.4. Thời hạn thu nhận hồ sơ

UBND huyện thành lập tổ kiểm tra, rà soát thu nhận hồ sơ trong thời gian 30 ngày (tại Phòng Nội vụ) kể từ ngày thông báo xét tuyển.

3.5. Nội dung kiến thức ôn tập liên quan đến xét tuyển

(Theo Phụ lục số 04 đính kèm, các thí sinh tự chuẩn bị tài liệu ôn tập)

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển

Xét tuyển được thực hiện theo 2 vòng như sau:

a. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại khoản b mục này.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Chủ tịch UBND huyện phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

b. Vòng 2

- Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

- Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

- Thời gian phỏng vấn 30 phút.

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3.7. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển viên chức

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng

chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19/8/1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

3.8. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;
- b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự trình độ chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của vị trí việc làm (tiên sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp).

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch UBND huyện quyết định người trúng tuyển.

Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

4. Thẩm quyền tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc

UBND huyện thành lập Hội đồng xét tuyển (thành phần, nhiệm vụ thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP), Quyết định tuyển dụng và bố trí công tác; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ký hợp đồng làm việc với người được tuyển dụng sau khi thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện xét tuyển giáo viên đảm bảo đúng quy trình tuyển dụng. /.

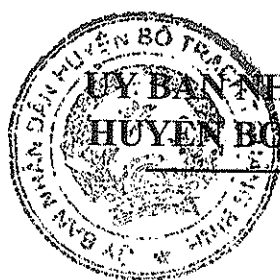
Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quang Vũ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÒ TRẠCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (Giáo viên) TRONG CÁC TRƯỜNG MN
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Kế hoạch số 1534/KH-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện)

TT	Tên trường	BC giáo viên giao năm 2019	Đã tuyển dụng đến 31/7/2019	Chưa tuyển dụng	Đăng ký xét tuyển	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>
1	MN Bắc Trạch	25	22	3	2	
2	MN Thanh Trạch	48	39	9	6	
3	MN Hạ Trạch	16	14	2	1	
4	MN Đức Trạch	28	25	3	2	
5	MN Phú Trạch	16	14	2	2	
6	MN số 1 Hoàn Lão	20	16	4	3	
7	MN Hoàn Lão	23	21	2	2	
8	MN Đại Phương	20	17	3	2	
9	MN Nhân Trạch	37	34	3	2	
10	MN Bắc Dinh	17	15	2	2	
11	MN Hoàn Trạch	16	12	4	2	
12	MN Sơn Trạch	54	48	6	4	
13	MN Phúc Trạch	51	43	8	7	
14	MN Tân Thượng	19	15	4	2	Tuyển GV Nam
Tổng cộng:		390	335	55	39	



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH

Phu lục số 01B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

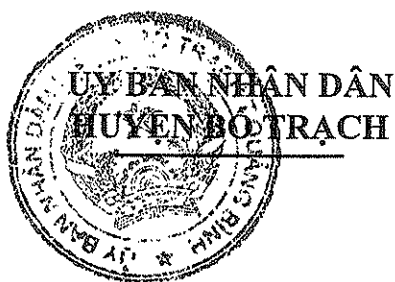
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (Giáo viên) TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

(Kèm theo Kế hoạch số 1534/KH-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Biên chế giao năm 2019							Biên chế đã tuyển dụng đến 31/7/2019							Chỉ tiêu cần tuyển					Ghi chú
		Tổng số	GV 9 môn	GV Tiếng anh	GV Thể dục	GV Mỹ thuật	GV Nhạc	GV Đ. đội	Tổng số	GV 9 môn	GV Tiếng anh	GV Thể dục	GV Mỹ thuật	GV Nhạc	GV Đ. đội	Tổng số	GV 9 môn	GV Tiếng anh	GV Thể dục	GV Đ. đội	
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	<u>19</u>	<u>20</u>	<u>21</u>	<u>22</u>
1	TH Liên Trạch	16	12	1	1	1	1	1	15	12		1	1	1	1	1		1			
2	TH Hải Trạch	32	27	2	1	1	1	1	30	25	2	1	1	1	1	1	1				
3	TH Đức Trạch	28	23	2	1	1	1	1	26	21	2	1	1	1	1	1	1				
4	TH Phú Trạch	17	13	1	1	1	1	1	15	11	1	1	1	1		2	2				
5	TH Vạn Trạch	28	23	2	1	1	1	1	26	21	2	1	1	1	1	2	2				
6	TH Tây Trạch	21	17	1	1	1	1	1	20	16	1	1	1	1	1	2	2				
7	TH số 1 Đại Trạch	17	13	1	1	1	1	1	16	12	1	1	1	1	1	1	1				
8	TH số 1 Cự Nẫm	21	16	2	1	1	1	1	20	16	1	1	1	1		3	1	1		1	
9	TH số 2 Cự Nẫm	16	12	1	1	1	1	1	14	11		1	1	1		2	1	1			
10	TH số 1 Hưng Trạch	22	18	1	1	1	1	1	19	15	1	1	1	1	1	3	3				
11	TH số 4 Hưng Trạch	28	23	2	1	1	1	1	20	17	1		1	1	1	8	6	1	1		
12	TH số 4 Sơn Trạch	27	22	2	1	1	1	1	21	17	2		1	1	1	6	5		1		
13	TH số 1 Phúc Trạch	27	22	2	1	1	1	1	26	22	1	1	1	1	1	1		1			
14	TH số 2 Phúc Trạch	29	24	2	1	1	1	1	28	23	2	1	1	1	1	1	1				
15	TH số 3 Phúc Trạch	18	14	1	1	1	1	1	17	13	1	1	1	1	1	1	1				
16	TH Lâm Trạch	22	18	1	1	1	1	1	20	16	1	1	1	1	1	2	2				
17	TH số 2 Xuân Trạch	18	14	1	1	1	1	1	16	12	1	1	1	1	1	2	2				
18	TH Số 1 Thượng Trạch	21	19			1	1	1	17	15			1	1		3	3				
19	TH&THCS Sơn Lộc	13	9	1	1	1	1	1	11	8		1	1	1	1	3	2	1			
20	TH&THCS Hưng	8	5		1	1	1	1	7	4		1	1	1	1	3	2				
	Tổng cộng:	429	344	26	19	20	20	20	384	307	20	17	20	20	16	45	36	6	2	1	



Phụ lục số 01C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (Giáo viên) TRONG CÁC TRƯỜNG THCS
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN THCS

(Kèm theo Kế hoạch số 1534/KH-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện)

TT	Tên trường	BC giáo viên giao năm 2019	Đã tuyển dụng đến 25/7/2019	Chưa tuyển dụng	Đăng ký xét tuyển	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>
1	THCS Bắc Trách	16	14	2	1	01 Văn
2	THCS Thanh Trách	45	42	3	2	01 Văn, 01 Văn Sử
3	THCS Mỹ Trách	8	7	1	1	01 Toán Tin
4	THCS Lưu Trọng Lư	16	12	4	2	01 Văn, 01 Văn GDCD
5	THCS Liên Trách	15	12	3	2	01 Văn Sử, 01 Hoá
6	THCS Phú Trách	15	13	2	2	01 Tiếng Anh, 01 Sinh Kỹ NN
7	THCS Quách Xuân Kỳ	46	44	2	2	01 Văn Sử, 01 Toán Tin
8	THCS Tây Trách	15	14	1	1	01 Toán Tin
9	THCS Cự Nẫm	17	15	2	2	01 Văn GDCD, 01 Hoá
10	THCS Số 2 Hưng Trách	22	15	7	6	01 Toán Lý, 01 Toán Tin, 02 Văn, 01 Văn GDCD, 01 Hoá
11	THCS Sơn Trách	43	36	7	6	02 Toán, 01 Toán Tin, 01 Toán Lý, 01 Sinh, 01 Hoá
12	THCS Phúc Trách	41	34	7	6	02 Toán, 01 Lý, 01 Tiếng Anh, 01 Văn, 01 Hoá Sinh
13	THCS Lâm Trách	15	14	1	1	01 Hoá
14	PTDT Nội trú	22	20	2	1	01 Văn
15	TH&THCS Sơn Lộc	8	7	1	1	01 Toán Lý
16	TH&THCS Hưng	8	6	2	2	01 Toán Tin, 01 Văn Sử
17	TH&THCS Tân Trách	11	8	3	2	01 Toán, 01 Văn Sử
Tổng cộng:		363	313	50	40	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÔ TRẠCH**

Phụ lục số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS NĂM 2019
(Kèm theo Kế hoạch số ~~1539~~ KH-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện)

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã số đăng ký dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
I	Giáo viên Mầm non	39					
1	Giáo viên Mầm non hạng IV V.07.02.06	39	Giáo viên Mầm non	MN1	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc phải có chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên	Có chứng chỉ tiếng Anh bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên được cấp trước ngày 30/6/2018
II	Giáo viên Tiểu học	45					
1	Giáo viên Tiểu học hạng IV V.07.03.09	36	Giáo viên Tiểu học 9 môn	TH2	Trung cấp Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên		
2	Giáo viên Tiểu học hạng IV V.07.03.09	2	Giáo viên Thể dục	TD2	Cao đẳng Sư phạm thể dục thể thao hoặc Cao đẳng Sư phạm Giáo dục thể chất trở lên		
3	Giáo viên Tiểu học hạng IV V.07.03.09	1	Giáo viên Đoàn đội	ĐĐ2	Cao đẳng Sư phạm các ngành: Giáo dục Tiểu học, Thể dục thể thao, Mỹ thuật, Nhạc trở lên có chứng chỉ đoàn đội		

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã số đăng ký dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
4	Giáo viên Tiểu học hạng IV V.07.03.09	6	Giáo viên Tiếng Anh	TA2	Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc phải có chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên	Có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2 đạt trình độ A trở lên
III	Giáo viên THCS	40					
1	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	5	Giáo viên Toán	TO3	Cao đẳng Sư phạm Toán, Toán Tin, Toán Lý hoặc Cao đẳng Toán, Toán Tin, Toán Lý có chứng chỉ sư phạm trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc phải có chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên	Có chứng chỉ tiếng Anh bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên được cấp trước ngày 30/6/2018
2	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	6	Giáo viên Toán Tin	TT3	Cao đẳng Sư phạm Toán Tin hoặc Cao đẳng Toán Tin có chứng chỉ sư phạm trở lên (hoặc vừa có cả bằng Cao đẳng Toán và bằng Cao đẳng Tin trở lên)		
3	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	3	Giáo viên Toán Lý	TL3	Cao đẳng Sư phạm Toán Lý hoặc Cao đẳng Toán Lý có chứng chỉ sư phạm trở lên (hoặc vừa có cả bằng Cao đẳng Toán và bằng Cao đẳng Lý trở lên)		
4	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	1	Giáo viên Lý	LY3	Cao đẳng Sư phạm Lý, Lý Tin, Toán Lý hoặc Cao đẳng Lý, Lý Tin, Toán Lý có chứng chỉ sư phạm trở lên		

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã số đăng ký dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
5	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	1	Giáo viên Sinh	SI3	Cao đẳng Sư phạm Sinh, Hoá Sinh, Sinh Kỹ NN hoặc Cao đẳng Sinh, Hoá Sinh, Sinh Kỹ NN có chứng chỉ sư phạm trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc phải có chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên	Có chứng chỉ tiếng Anh bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên được cấp trước ngày 30/6/2018
6	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	5	Giáo viên Hoá	HO3	Cao đẳng Sư phạm Hoá, Hoá Kỹ NN, Hoá Sinh hoặc Cao đẳng Hoá, Hoá Kỹ NN, Hoá Sinh có chứng chỉ sư phạm trở lên		
7	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	1	Giáo viên Sinh Kỹ Nông nghiệp	SK3	Cao đẳng Sư phạm Sinh Kỹ NN hoặc Cao đẳng Sinh Kỹ NN có chứng chỉ sư phạm trở lên (hoặc vừa có cả bằng Cao đẳng Sinh và bằng Cao đẳng Kỹ NN trở lên)		
8	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	1	Giáo viên Hoá Sinh	HS3	Cao đẳng Sư phạm Hoá Sinh hoặc Cao đẳng Hoá Sinh có chứng chỉ sư phạm trở lên (hoặc vừa có cả bằng Cao đẳng Hoá và bằng Cao đẳng Sinh trở lên)		
9	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	7	Giáo viên Văn	VA3	Cao đẳng Sư phạm Văn, Văn Sử, Văn GDCD hoặc Cao đẳng Văn, Văn Sử, Văn GDCD có chứng chỉ sư phạm trở lên		
10	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	5	Giáo viên Văn Sử	VS3	Cao đẳng Sư phạm Văn Sử hoặc Cao đẳng Văn Sử có chứng chỉ sư phạm trở lên (hoặc vừa có cả bằng Cao đẳng Văn và bằng Cao đẳng Sử trở lên)		
11	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	3	Giáo viên Văn GDCD	VG3	Cao đẳng Sư phạm Văn GDCD hoặc Cao đẳng Văn GDCD có chứng chỉ sư phạm trở lên (hoặc vừa có cả bằng Cao đẳng Văn và bằng Cao đẳng GDCD trở lên)		

TT	Hạng Giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã số đăng ký dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
12	Giáo viên THCS hạng III V.07.04.12	2	Giáo viên Tiếng Anh	TA3	Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh hoặc Cao đẳng Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh có chứng chỉ sư phạm trở lên	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc phải có chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên	Có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2 đạt trình độ A trở lên
	Tổng cộng:	124					



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH

Phụ lục số 03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON TRÚNG TUYỂN
(Kèm theo Kế hoạch số 1534 /KH-UBND ngày 04 /9/2019 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu cần tuyển	Phương án bố trí trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>
1	MN Bắc Trạch	2	Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký dự tuyển chung vào vị trí Giáo viên Mầm non (theo mã số đăng ký dự tuyển tại Phụ lục số 02). Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có quyết định bố trí công tác về các trường mầm non trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.
2	MN Thanh Trạch	6	
3	MN Hạ Trạch	1	
4	MN Đức Trạch	2	
5	MN Phú Trạch	2	
6	MN số 1 Hoàn Lão	3	
7	MN Hoàn Lão	2	
8	MN Đại Phương	2	
9	MN Nhân Trạch	2	
10	MN Bắc Dinh	2	
11	MN Hoàn Trạch	2	
12	MN Sơn Trạch	4	
13	MN Phúc Trạch	7	
14	MN Tân Thượng	2	
Tổng cộng:		39	

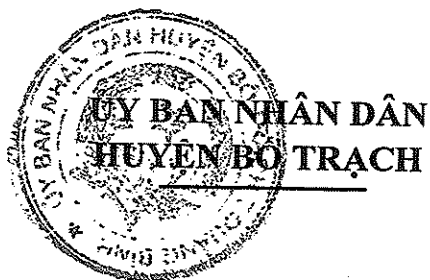


**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÒ TRÁCH**

Phụ lục số 03B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TRÚNG TUYỂN
(Kèm theo Kế hoạch số 1534/KH-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện)

T T	Tên trường	Chỉ tiêu Giáo viên cần tuyển					Phương án bố trí trúng tuyển
		Tổng số	TH 9 môn	Tiếng anh	Thể dục	Đoàn đội	
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
1	TH Liên Trạch	1		1			Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký vào vị trí giáo viên Tiểu học (theo mã số đăng ký dự tuyển tại Phụ lục số 02). Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có quyết định bố trí công tác về các trường tiểu học trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.
2	TH Hải Trạch	1	1				
3	TH Đức Trạch	1	1				
4	TH Phú Trạch	2	2				
5	TH Vạn Trạch	2	2				
6	TH Tây Trạch	1	1				
7	TH số 1 Đại Trạch	1	1				
8	TH số 1 Cự Năm	3	1	1		1	
9	TH số 2 Cự Năm	2	1	1			
10	TH số 1 Hưng Trạch	3	3				
11	TH số 4 Hưng Trạch	8	6	1	1		
12	TH số 4 Sơn Trạch	6	5		1		
13	TH số 1 Phúc Trạch	1		1			
14	TH số 2 Phúc Trạch	1	1				
15	TH số 3 Phúc Trạch	1	1				
16	TH Lâm Trạch	2	2				
17	TH số 2 Xuân Trạch	2	2				
18	TH Số 1 Thượng Trạch	3	3				
19	TH&THCS Sơn Lộc	3	2	1			
20	TH&THCS Hưng Trạch	1	1				
	Tổng cộng:	45	36	6	2	1	



Phụ lục số 03C
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ GIÁO VIÊN THCS TRÚNG TUYỂN
(Kèm theo Kế hoạch số 1534 /KH-UBND ngày 04 /9/2019 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu Giáo viên cần tuyển													Phương án bố trí trúng tuyển
		Tổng số	Toán	Toán Tin	Toán Lý	Lý	Sinh	Hoá	Sinh Kỹ NN	Hoá Sinh	Văn	Văn Sử	Văn GDCD	Tiếng Anh	
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>
1	THCS Bắc Trạch	1									1				Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký dự tuyển chung vào vị trí Giáo viên THCS (theo mã số đăng ký dự tuyển tại Phụ lục số 02) . Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có quyết định bố trí công tác về các trường THCS trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.
2	THCS Thanh Trạch	2									1	1			
3	THCS Mỹ Trạch	1		1											
4	THCS Lưu Trọng Lư	2									1		1		
5	THCS Liên Trạch	2						1				1			
6	THCS Phú Trạch	2							1					1	
7	THCS Quách Xuân Kỳ	2		1								1			
8	THCS Tây Trạch	1		1											
9	THCS Cự Nấm	2						1					1		
10	THCS Số 2 Hưng Trạch	6		1	1			1			2		1		
11	THCS Sơn Trạch	6	2	1	1		1	1							
12	THCS Phúc Trạch	6	2			1				1	1			1	
13	THCS Lâm Trạch	1						1							
14	PTDT Nội Trú	1									1				
15	TH&THCS Sơn Lộc	1			1										
16	TH&THCS Hưng Trạch	2		1								1			
17	PTDTBT TH&THCS Tân Trạch	2	1									1			
	Tổng cộng:	40	5	6	3	1	1	5	1	1	7	5	3	2	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH**

Phụ lục số 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NỘI DUNG KIẾN THỨC ÔN TẬP
XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ~~153~~4/KH-UBND ngày ~~04~~9/9/2019 của UBND huyện)

1. Kiến thức chung:

Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015 của Văn phòng Quốc hội (Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục);

Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đạo đức nhà giáo;

2. Nghiệp vụ chuyên ngành:

2.1. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên Mầm non

Điều lệ trường Mầm non (Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015);

Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non (Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên Mầm non (Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên mầm non;

2.2. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên Tiểu học

Điều lệ trường Tiểu học (Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014);

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018);

Quy định đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016);

Quy định về giáo dục và hòa nhập đối với người khuyết tật (Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018);

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 Quy định chế độ làm việc của giáo viên phổ thông;

Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên Tiểu học;

2.3. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên THCS

Điều lệ trường THCS (Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018);

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 Quy định chế độ làm việc của giáo viên phổ thông;

Thông tư Liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên THCS;

(Lưu ý: Các thí sinh tự chuẩn bị tài liệu ôn tập)